

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671004 - Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lương Thế	Anh	3671050292	06/01/1991	,00			Nợ HP
2	Nguyễn Văn	Phê	3671051682	24/06/1992	5,00	5,50	5,40	
3	Đồng Đại	Tân	3671052017	17/07/1991	,00			Nợ HP
4	Nguyễn Đức	Tài	3771020328	02/10/1994	,00			CT
5	Huỳnh Văn	Luân	3771020705	19/05/1995	7,00	1,50	3,20	
6	Lê Trung	Phong	3771020709	27/03/1995	,00			CT
7	Trần Duy	Quang	3771020714	12/01/1995	10,00	6,30	7,40	
8	Trần Huy	Hùng	3771020715	10/04/1995	8,00	5,30	6,10	
9	Võ Thái	Cường	3771020719	28/09/1995	7,00	,00	2,10	
10	Lê Quốc	Việt	3771020730	05/11/1995	7,00	2,80	4,10	
11	Nguyễn Thị Thu	Hiền	3771020737	29/06/1995	,00			CT
12	Phạm Bá	Châu	3771020743	08/06/1995	7,00	3,00	4,20	
13	Nguyễn Khắc	Tú	3771020744	14/11/1994	5,00	,30	1,70	
14	Võ Quyền	Linh	3771020746	02/02/1994	10,00	,30	3,20	
15	Võ Trần Minh	Tài	3771020747	27/05/1994	6,00	3,00	3,90	
16	Phạm Văn	Thế	3771020748	01/04/1989	5,00	2,00	2,90	
17	Nguyễn Hoàng	Duy	3771020762	04/06/1995	,00			CT
18	Thuận Văn	Tiếp	3771020767	15/05/1993	6,00	,00	1,80	
19	Lê Minh	Thà	3771020772	02/03/1991	,00			
20	Lê Đình	Vương	3771020774	16/06/1992	6,00	4,30	4,80	
21	Đào Duy	Lâm	3771020776	20/06/1995	10,00	3,00	5,10	
22	Văn Công Vũ	Bảo	3771020779	16/04/1995	10,00	2,50	4,80	
23	Nguyễn Thanh	Huy	3771020784	18/11/1995	8,00	2,50	4,20	
24	Võ Mạnh	Cường	3771020785	02/09/1993	10,00	,00	3,00	
25	Trần Quang	Ngọc	3771020792	10/03/1995	10,00	2,80	5,00	
26	Nguyễn Tấn	Thắng	3771020796	02/06/1995	10,00	5,80	7,10	
27	Lê Tuấn	Phuong	3771020800	25/10/1995	,00			CT
28	Đỗ Thành	Tài	3771020801	18/09/1995	,00			CT
29	Lê Nhật	Quang	3771020804	12/02/1995	5,00	,00	1,50	
30	Lê Duy	Khánh	3771020807	23/05/1994	10,00	,50	3,40	
31	Nguyễn Duy	Cường	3771020810	10/02/1995	10,00	5,30	6,70	
32	Lê Minh	Tường	3771020824	16/03/1995	5,00	1,50	2,60	
33	Nguyễn Khánh	Vinh	3771020826	28/06/1995	7,00	,00	2,10	
34	Bùi Hữu	Tân	3771020831	13/04/1995	5,00	,50	1,90	
35	Nguyễn Ngọc	Tân	3771020851	26/10/1995	5,00	,00	1,50	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trần Hương	Phước	3771021087	26/03/1994	,00			CT
37	Nguyễn Văn	Tư	3771021100	25/05/1995	6,00	,50	2,20	
38	Trần Cao	Việt	3771021151	24/10/1995	6,00	,50	2,20	
39	Lê Đăng	Từ	3771021165	17/12/1994	5,00	1,00	2,20	
40	Nguyễn Ngọc	Luận	3771021191	20/01/1994	9,00	2,50	4,50	
41	Trần Văn	Lợi	3771021211	04/10/1994	10,00	,50	3,40	
42	Võ Duy	Tân	3771021228	10/01/1995	6,00	5,80	5,90	
43	Liêu Việt	Thành	3771021234	10/06/1993	8,50	3,30	4,90	
44	Hoàng Văn	Nam	3771021250	04/11/1992	,00			
45	Nguyễn Văn	Dũng	3771021253	05/05/1994	7,00	6,00	6,30	
46	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	3771021276	05/05/1995	10,00	8,30	8,80	
47	Trần Quốc	Triệu	3771021301	18/06/1995	5,00	4,00	4,30	
48	Phan Thanh	Đăng	3771021304	28/08/1995	6,00	4,00	4,60	
49	Trần Quốc	Tài	3771021325	22/11/1995	5,00	6,50	6,10	
50	Võ Minh	Tân	3771021347	25/05/1995	,00	,50	,40	
51	Lê Văn	Hậu	3771021381	05/03/1995	,00	4,00	2,80	
52	Phạm Hữu	Hây	3771021404	09/09/1995	,00	6,80	4,80	
53	Trần Đình	Sửu	3771021413	10/10/1994	,00	,00	,00	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)